

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ML  
TỈNH SL

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 25/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 09-8-2021.  
V/v: Ly hôn giữa chị B và anh  
M.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ML, TỈNH SL

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Tuấn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1 – Ông Nguyễn Đức Quyết.

2 – Ông Lò Văn Khết.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Quàng Công Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh SL.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ML tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Chí Công - Kiểm sát viên.

Ngày 09/8/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh SL, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2021/TLST-HNGĐ ngày 02/6/2021 về việc: Tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị LTB, sinh 1978, trú tại: Bản K, xã TB, huyện ML, tỉnh SL. Có đề nghị xử vắng mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Ông CPT - Luật sư, Văn phòng luật sư Thăng Long Hà Nội. Địa chỉ: Số 486, đường LD, phường CS, thành phố SL, tỉnh SL. Có đề nghị xử vắng mặt.

*2. Bị đơn:* Anh VVM, sinh 1978, trú tại: Bản K, xã TB, huyện ML, tỉnh SL. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/6/2021 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị LTB trình bày:

Chị và anh VVM kết hôn trên cơ sở tự nguyện, ngày 28/11/1997 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Ít Ong, huyện ML, tỉnh SL. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh VVM

không chăm lo xây dựng gia đình, đi vào con đường nghiện ma túy. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên can nhưng không khắc phục được. Từ đó hai người sống ly thân đến nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Chị LTB xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn anh VVM.

Về con chung: Có hai con là CTK, sinh ngày 07/12/1999 và CVC, sinh ngày 03/3/2002. Cả hai con đều lớn trưởng thành.

Về tài sản chung, riêng, nợ: Điều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh VVM từ chối trình bày:

Căn cứ vào ý kiến của cơ sở và các tài liệu xác nhận quan hệ hôn nhân giữa chị LTB và anh VVM. Xác nhận nguyên nhân mâu thuẫn phù hợp với lời khai của nguyên đơn chị LTB. Xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như chị LTB trình bày là đúng.

Về con chung: Có hai con là CTK, sinh ngày 07/12/1999, CVC, sinh ngày 03/3/2002.

Về tài sản chung, riêng, nợ: Điều không có.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định.

Về nội dung:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án:

Có căn cứ để xử cho chị LTB được ly hôn anh VVM.

Về tài sản chung, nợ chung: Điều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị LTB chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật. Tòa án phân tích, đánh giá, nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh VVM sau khi được thông báo về việc thụ lý vụ án, đã từ chối khai trình bày nguyện vọng, anh VVM đã được cấp tổng đạt các văn bản tố tụng có xác nhận của Ủy ban nhân xã TB, huyện ML và đã triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, theo quy định của điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự có đủ căn cứ xử vắng mặt anh VVM.

Chị LTB có đơn đề nghị được xử vắng mặt, theo quy định của Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự có đủ căn cứ xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị LTB và anh VVM có đăng ký kết hôn, có tìm hiểu, tự nguyện là đúng pháp luật. Cuộc sống chung hoà thuận thời gian đầu, mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu do anh VVM không chăm lo xây dựng gia đình, đi vào con đường nghiện ma túy. Hai người đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau, xét mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được là có căn cứ.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng chị LTB và anh VVM đã được gia đình khuyên giải, đã kéo dài, trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị LTB yêu cầu được ly hôn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Cần chấp nhận xử cho chị LTB được ly hôn anh VVM.

[3] Về con chung: Có hai con là CTK, sinh ngày 07/12/1999 và CVC, sinh ngày 03/3/2002. Cả hai con đều lớn trưởng thành và có cuộc sống riêng.

[4] Về tài sản chung, nợ: Đều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị LTB chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Toà án:

1. Xử cho chị LTB được ly hôn anh VVM.
2. Về tài sản chung, nợ: Đều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
3. Về án phí: Chị LTB phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000, đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002184 ngày 02/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ML, tỉnh SL.

Chị LTB, anh VVM được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**  
*(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh SL;
- VKSND huyện ML (2);
- Chi cục THADS huyện ML;
- UBND thị trấn Ít Ong, huyện ML (để vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự (2);
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**Nguyễn Minh Tuấn**

